

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG*

NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG**

HỆ GIÁ TRỊ CỦA CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM: TIẾP CẬN TỪ HỆ GIÁ TRỊ VIỆT NAM

Tóm tắt: Trải qua hơn 400 năm truyền giáo và phát triển ở Việt Nam, Công giáo đã có những tác động và để lại dấu ấn đáng chú ý trên nhiều lĩnh vực đời sống của người Việt Nam. Bài viết này tập trung chỉ ra một số giá trị tiêu biểu của Công giáo ở Việt Nam trên ba chiều cạnh: văn hóa, đạo đức và lối sống. Đây cũng chính là ba phạm trù giá trị nổi bật, giữ vai trò chủ đạo xuyên suốt quá trình Công giáo hiện diện ở Việt Nam. Về phương diện giá trị văn hóa, bài viết cho rằng Công giáo chính là cầu nối văn hóa Đông - Tây. Điều này được thể hiện rõ trên các khía cạnh cụ thể về thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị về văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Về phương diện giá trị đạo đức, là tu dưỡng bản thân của tín đồ Công giáo. Còn về giá trị lối sống, chủ yếu là lối sống gia đình, lối sống trong cộng đồng của những người theo Công giáo và người theo các tín ngưỡng truyền thống, tôn giáo khác.

Từ khóa: Công giáo, giá trị văn hóa, giá trị đạo đức, giá trị lối sống, Việt Nam

Mở đầu

Giá trị là một khái niệm trừu tượng, thường được quan niệm là/như một cái gì đó có ý nghĩa, đáng giá của một sự vật, hiện tượng, hay sự kiện nào đó. Giá trị là một khái niệm của nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau, là những khách thể vật chất hoặc tinh thần, có những ý nghĩa khác nhau, phù hợp với nhu cầu của con người và đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Đã có nhiều quan niệm về hệ giá trị theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau, chẳng hạn: “Hệ giá trị là các giá trị của một tập hợp người như dân tộc, thế giới, vùng, gia đình, bản thân” (Phạm Minh Hạc, 2012: 30). “Hệ giá trị là toàn bộ các giá trị của một khách thể trong bối cảnh không gian - thời gian xác định cùng với mạng lưới các mối quan hệ của chúng” (Trần Ngọc Thêm, 2015: 51). Hồ Sỹ Quý cho rằng: “Hệ giá trị được hiểu là một thuật ngữ /khái niệm dùng để chỉ một tập hợp các giá trị, được thể hiện dưới dạng các phẩm chất, các nguyên tắc, các lý tưởng và cả các triết lý... Định hướng cho hoạt động của một công ty, một hãng, một doanh nghiệp, một Viện nghiên cứu, một trường đại học, một khách sạn, hay một ngành hoạt động... thuộc các lĩnh vực thương mại, công nghiệp, dịch vụ, sản xuất và đôi khi cả trong lĩnh vực thuộc xã hội, giáo dục, quân sự, chính trị, tôn giáo” (Hồ Sỹ Quý, 2015: 42.),... Hệ giá trị Việt Nam chính là hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người và

* Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội. Email: duongvtg@gmail.com.

** Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 23/5/2025; ngày phản biện: 01/6/2025; ngày duyệt đăng: 06/9/2025.

chúng có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại với nhau, định hướng cho sự phát triển của đất nước và con người Việt Nam. Đại hội Đảng lần thứ XIII đã khẳng định: “Xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với gìn giữ, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới... xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 143).

Nghiên cứu về giá trị nói chung, giá trị văn hóa, đạo đức và lối sống của Công giáo ở Việt Nam và nước ngoài đã có nhiều công trình đề cập tới như: Các công trình nghiên cứu về giá trị nói chung ở Việt Nam như: *Giá trị học* của Phạm Minh Hạc (2012); *“Hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong đổi mới và hội nhập: Nghiên cứu, tiểu luận”* của Ngô Đức Thịnh, Đỗ Thị Minh Thủy, Phạm Vũ Dũng..., (2014); *“Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai”* của Trần Ngọc Thêm (2016); *“Hệ giá trị văn hóa Việt Nam”* của Ngô Đức Thịnh (2019)... Nghiên cứu về tư tưởng và giá trị của tôn giáo đối con người Việt Nam có: *“Ảnh hưởng của các tư tưởng tôn giáo đối với con người Việt Nam hôm nay”* của Nguyễn Tài Thư (1997). Trục tiếp về giá trị Công giáo có các công trình: *“Nghĩ lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam”* của Nguyễn Hồng Dương (2001); *“Công giáo trong văn hóa Việt Nam”* của Nguyễn Hồng Dương (2013); *“Giá trị chân lý, luân lý Công giáo và vai trò của nó trong việc ổn định cộng đồng”* và *“Giá trị thẩm mỹ của Công giáo”* của Ngô Quốc Đông (2016),... Một số nghiên cứu ở nước ngoài như: *“Mission and Catechesis: Alexandre de Rhodes & Inculturation in Seventeenth-Century Vietnam”* của Peter C. Phan (1998) đề cập tới những đóng góp cụ thể của nhà truyền giáo Alexandre de Rhodes đối với các khía cạnh hội nhập văn hóa, chữ viết quốc ngữ ở Việt Nam; *“Multiple agents involved in the localization of Our Lady of La Vang: From a Mythic “In Our Own Tongues: Perspectives from Asia on Mission and Inculturation”* của Peter C. Phan (2003) đề cập tới những hội nhập và đóng góp của Công giáo đối với văn hóa Việt Nam;...

Việt Nam từ rất sớm đã tiếp xúc với các nền văn hóa Đông Nam Á, Đông Bắc Á, rộng ra là tiếp xúc văn hóa Đông - Tây. Các nền văn hóa này cho đến thời cận đại chủ yếu là văn hóa tôn giáo, được truyền vào Việt Nam theo con đường truyền giáo. Khu vực Đông Nam Á ngày nay gồm 11 nước, trong đó có Việt Nam. Do ở cạnh hai nền văn hóa - văn minh lớn của nhân loại là Trung Hoa và Ấn Độ nên nền văn hóa Đông Nam Á trong đó có Việt Nam đã tiếp thu, chịu ảnh hưởng của hai nền văn hóa này. Từ Ấn Độ, về phương diện tôn giáo là Bà la môn giáo, Phật giáo, Islam giáo/Hồi giáo. Khu vực Đông Bắc Á với các nền văn hóa Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên, trong đó có văn hoá Trung Hoa là trung tâm. Với khu vực này về phương diện tôn giáo là Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo, trong đó có cả tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

Có thể xem văn hóa - văn hóa tôn giáo của hai khu vực trên là đại diện của văn hóa - văn hóa tôn giáo phương Đông có ảnh hưởng và giữ vai trò quan trọng của văn hóa - văn hóa tôn giáo ở Việt Nam. Với phương Tây là sự truyền bá Công giáo vào thế kỷ XVII của các giáo sĩ dòng Tên, dòng Phanxicô, dòng Đa Minh, đặc biệt là Hội Thừa sai Paris (MEP), thuộc

các quốc tịch Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Pháp là chủ yếu. Thu hẹp lại, văn hóa phương Đông mà Việt Nam chịu ảnh hưởng là văn hóa Trung Hoa và văn hóa Ấn Độ. Với văn hóa - văn hóa tôn giáo Trung Hoa là sự du nhập của Nho giáo, Đạo giáo. Đạo giáo truyền bá vào Việt Nam từ rất sớm, khoảng từ thời Tần (cuối thế kỷ II trước Công nguyên) nhưng chỉ phát triển mạnh vào cuối đời Đông Hán và trong thời Tam Quốc (khoảng thế kỷ III). Cùng với Nho giáo, đến đầu Công nguyên, Phật giáo từ bên ngoài dần thâm nhập vào Việt Nam không chỉ qua đường biển mà còn qua Trung Hoa. Văn hóa Ấn Độ ảnh hưởng sâu đậm đến văn hóa Việt Nam thể hiện qua Bà la môn giáo, Hindu giáo (Ấn giáo) và Phật giáo (Nguyễn Duy Hình - Lê Đức Hạnh, 2014: 17-32). Văn hóa phương Tây mà Việt Nam chịu ảnh hưởng nhìn từ phương diện tôn giáo đó là Công giáo. Văn hóa Công giáo không phải là toàn bộ văn hóa phương Tây, nhưng cho đến thời Cận đại - thời kỳ mà Công giáo từ phương Tây truyền bá vào Việt Nam, văn hóa Công giáo vẫn là “xương sống” của văn hóa phương Tây. Được xác nhận thời điểm truyền bá vào Việt Nam từ đầu thế kỷ XVII với sự kiện xuất hiện của giáo sĩ Buzomi (1576 - 1639), nhà truyền giáo linh mục người Ý có mặt ở Hội An (Đàng Trong) ngày 06/1/1615 cùng với hai tu sĩ dòng Tên khác là linh mục Diego Carval ho và tu huynh Antônio (cả hai là người Bồ Đào Nha). Tiếp theo là Alexandre de Rhodes (1539 - 1660) nhà truyền giáo dòng Tên đến cả Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài. Đầu tiên, Rhodes đến Hội An học tiếng Việt từ giáo sĩ Francico de Pina. Sau hơn một năm học tiếng Việt ở Đàng Trong, Rhodes trở lại Ma Cao để chuẩn bị tới Đàng Ngoài truyền giáo. Cùng với Pedro Marqnes, Rhodes cập bến Cửa Bạng (Thanh Hóa) ngày 19/3/1627, bắt đầu hoạt động truyền giáo ở Đàng Ngoài. Như vậy, từ thời điểm đầu thế kỷ XVII, một cánh cửa mới được mở ra đối với tiếp xúc văn hóa phương Tây của văn hóa Việt Nam. Sự tiếp xúc này từng bước tạo nền tảng để văn hóa Việt Nam hình thành nên loại hình giá trị về nhận thức thế giới quan, nhân sinh quan, giá trị về văn hóa vật thể và phi vật thể khác. Trên cơ sở tổng hợp, phân tích, đánh giá những nghiên cứu đi trước, kết hợp với những tài liệu và tích lũy cá nhân, bài viết nhằm đánh giá những giá trị của Công giáo trên ba phương diện: Về giá trị văn hóa; giá trị về đạo đức và về giá trị lối sống.

1. Hệ giá trị văn hóa

1.1. Hệ giá trị văn hóa phi vật thể

Ngoài việc khẳng định hệ giá trị về thế giới quan và nhân sinh quan, trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi đề cập đến một số giá trị khác có tính nổi trội tạo nên hệ giá trị văn hóa phi vật thể của Công giáo ở Việt Nam, đó là: ngôn ngữ; báo chí văn chương, lễ hội.

1.1.1. Hệ giá trị về thế giới quan và nhân sinh quan

Khác với các tôn giáo phương Đông hiện diện ở Việt Nam (Tam giáo: Nho, Phật, Đạo) là tôn giáo đa thần, Công giáo là tôn giáo độc thần. Tam giáo ở Việt Nam với chủ lưu là Phật giáo không chú trọng đến thế giới quan, nếu có bàn đến thế giới quan cũng là để phục vụ cho nhân sinh quan. Sự xuất hiện của Công giáo ở Việt Nam đã làm đa dạng nhận thức về thế giới (hay quan niệm về thế giới). Điều này thể hiện trong sách *Sáng thế/Sáng thế ký* - Ghi chép về sự sáng tạo thế giới. Đáng sáng tạo là Thiên Chúa mà Thiên Chúa có Ba Ngôi (Cha, Con,

Thánh Thần). Ngôi Cha, Ngôi Con được nhân hóa, Ngôi Thánh Thần (Thần Khí) được thể hiện ở một số dạng: lửa, nước, khí, hình chim câu. Cả Ba Ngôi đều bình đẳng, bình quyền. Thế giới/Trái đất mà Thiên Chúa tạo dựng được trao toàn quyền cho con người cai quản, khai thác, sống hòa đồng với vạn vật, với thiên nhiên. Đồng thời, con người có trách nhiệm bảo quản tất cả những gì Thiên Chúa đã tạo dựng. Vì vậy, khi xã hội bước vào thời kỳ Công nghiệp, trái đất bị con người khai thác quá mức dẫn đến biến đổi khí hậu “con cái Thiên Chúa” mà đại diện là Giáo hoàng luôn lên tiếng cho cộng đồng Dân Chúa cũng như nhân loại phải bảo vệ trái đất “Ngôi nhà chung của chúng ta”. Học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo dành hẳn một chương - Chương Mười với tựa đề: *Bảo vệ môi trường* để yêu cầu con người bảo vệ trái đất với tất cả không gian, thời gian và các loài thụ tạo (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2007: 313 - 335).

Về nhân sinh quan, theo Kinh Thánh, con người do Thiên Chúa tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa bởi tình yêu của Thiên Chúa; Ngài sáng tạo con người có nam, có nữ (St.1.27)¹. Thiên Chúa đặt con người vào trọng tâm và chóp đỉnh của trật tự sáng tạo. Con người (theo tiếng Hipri là “adam”) được tạo dựng từ đất (adamah) và Thiên Chúa thổi hơi sự sống vào mũi Adam (Xo. St 2.7). Bởi “được” tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, con người có phẩm giá và ngôi vị, không phải chỉ là một cái gì đó mà là một ai đó. Con người có khả năng biết mình, làm chủ mình, tự do hiển mình và tự nguyện hiệp thông với người khác. Hơn thế nữa, con người được ơn Chúa mời gọi ký kết giao ước với Đấng Tạo Hóa của mình, lấy đức tin và tình yêu đáp trả Ngài, một sự đáp trả mà không thụ tạo nào có thể làm thay con người (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2007: 100-101). Theo giáo lý Công giáo, con người được tạo dựng từ đất nên mỏng, giòn, dễ vỡ, yếu đuối, khi qua đời thể xác lại trở về với cát bụi: “Hoi sự sống” mà Thiên Chúa “thổi” vào mũi con người chính là thần khí, là linh hồn. Nếu con người qua đời, thân xác trở về với cát bụi, thì thần khí/linh hồn sẽ tồn tại. Vậy là con người vừa có hồn vừa có xác. Nhưng quan trọng hơn đó là quan hệ giữa con người và Thiên Chúa, vâng theo răn dạy của Thiên Chúa, hiệp thông, hiệp hành cùng Thiên Chúa. “Quan hệ giữa tôn giáo và con người được phản ánh trong chiều hướng tương quan và xã hội của bản tính con người. Thật vậy, con người không phải là một hữu thể cô độc, mà là “một hữu thể xã hội, không thể nào sống cũng như không thể nào phát triển tiềm năng của mình bao lâu con người không liên hệ với người khác”. Tạo dựng ra con người có cả nam và nữ (St. 1, 27), vì vậy “Người Nam và người Nữ có cùng phẩm giá như nhau và bình đẳng về giá trị”. Bởi cả hai đều được dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, mà sâu xa hơn còn là đem lại sự sống cho ngôi vị. Vợ chồng có thể tham gia vào việc làm sáng tạo của Thiên Chúa: Thiên Chúa chúc lành và nói với họ: “Hãy sinh sôi và nảy nở cho đầy mặt đất và hãy thống trị mặt đất” (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2007: 102). Con người kể cả người nam và người nữ do được tạo dựng bởi hình ảnh Thiên Chúa, được Thiên Chúa ban cho thần khí/linh hồn nên con người cũng quan hệ với chính mình và có khả năng tư duy về chính mình. Điều mà Kinh Thánh nhắc tới “Tâm hồn con người”, chỉ rõ sự linh thiêng bên trong con người, phân biệt con người với các

¹ Đây là cách chú giải kinh điển của Công giáo. Với chú thích St.1.27 được hiểu là đoạn 1 dòng 17 sách Sáng thế.

loài thụ tạo khác. Tâm hồn biểu lộ khả năng thiêng liêng của con người cũng là đặc ân của con người có được, khi được tạo dựng theo hình ảnh Đấng Tạo Hóa, đó là lý trí, sự phân biệt tốt, xấu, ý muốn tự do.

Với nhân sinh quan, cả Công giáo và các tôn giáo truyền thống ở Việt Nam (Nho, Phật, Đạo) đều hướng vào lý giải ba vấn đề căn cốt mà tôn giáo nào cũng đều phải giải đáp, đó là: con người sinh ra từ đâu; con người sống ở trên đời phải có những trách nhiệm gì; Khi chết con người đi về đâu. Song, như trên đã phân tích do căn tính là độc thần, qua Kinh Thánh cho thấy sự lý giải ba vấn đề SINH - SỐNG - TỬ mà Công giáo truyền bá vào Việt Nam đã làm phong phú hơn. Người Việt Nam có thêm những cảnh giới (tiếp cận từ quan niệm Phật giáo) về Thiên đường, về Hỏa ngục. Theo đó còn là tầng luyện ngục. Nếu như Thiên đường dành cho tín đồ sống trọn vẹn lời Chúa, Hỏa ngục là chốn trừng phạt kẻ tội trọng thì luyện ngục được xem là “chốn/nơi” (tương tự như cảnh giới của đạo Phật) dành cho những ai còn đang ở giữa chốn Thiên đường và chốn Hỏa ngục. Những người đó sẽ được “đổi chốn/nơi” nếu được thân thích cầu nguyện và làm nhiều công việc thiện lành.

Thế giới quan và nhân sinh quan Công giáo qua Kinh Thánh cho thấy chúng gắn quện với nhau. Thiên Chúa tạo dựng ra vũ trụ và các loài thụ tạo. Trong các loài thụ tạo mà Thiên Chúa tạo ra, con người là chót đỉnh. Con người có cả phần xác và phần hồn; Con người có cá vị, có vị thế của chính mình, vị thế với đồng loại với xã hội; Con người có tâm hồn, có cảm xúc để vươn tới ý hướng tự do. Con người gồm cả người Nam và người Nữ. Họ được Thiên Chúa kết hiệp với nhau để sinh sôi, nảy nở, duy trì sự sống ngôi vị. Nhưng quan trọng hơn hết, con người phải hiệp hành, hiệp thông với Thiên Chúa, tham gia vào sự thống trị mặt đất.

1.1.2. Giá trị ngôn ngữ

Đó là việc tạo ra chữ Quốc ngữ, còn được gọi là chữ Quốc ngữ mới là để phân biệt với chữ Quốc ngữ - chữ Nôm là loại văn tự ngữ tố - âm tiết dùng để viết tiếng Việt. Đây là bộ chữ được người Việt tạo ra trên chữ Hán quen gọi là chữ Quốc ngữ (cũ). Chữ Quốc ngữ (mới) là một loại chữ viết tiếng Việt được ghi bằng tập hợp các chữ cái La tinh và dấu phụ được dùng cùng với các chữ cái đó. Chữ Quốc ngữ được tạo ra bởi các tu sĩ dòng Tên Bồ Đào Nha, Ý và Pháp bằng việc cải tiến bảng chữ La tinh và ghép âm dựa theo quy tắc chính tả của văn tự tiếng Bồ Đào Nha và một chút tiếng Ý (Wikipedia tiếng Việt, Chữ Quốc ngữ, https://vi.wikipedia.org/wiki/Chữ_Quốc_ngữ, ngày truy cập 4/12/2024).

Nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài giới Công giáo cho rằng, người có công đầu tạo ra chữ Quốc ngữ là Thừa sai Francis de Pina người Bồ Đào Nha. Theo linh mục Đỗ Quang Chính: Pina là nhà truyền giáo đầu tiên biết tiếng Việt, cũng là tu sĩ dòng Tên đầu tiên soạn một tập nhỏ về chính tả cùng các dấu thanh của tiếng Việt và năm 1622 bắt đầu soạn ngữ pháp tiếng Việt (Đỗ Quang Chính, 2000: 45). Nhà nghiên cứu Nguyễn Phước Tương cũng có nhận định tương tự: “Chúng ta có đủ cơ sở khoa học để kết luận rằng giáo sĩ dòng Tên đầu tiên có công trình phiên âm tiếng Việt thành chữ Quốc ngữ chậm nhất vào năm 1623, trước khi Alexandre de Rhodes đến Đàng Trong vào năm 1624, có tên gọi là “Nhập môn tiếng Đàng Ngoài” là Francis de Pina” (Nguyễn Phước Tương, 2001: 29).

Thời kỳ đầu chữ Quốc ngữ tạo ra chỉ để dùng cho hoạt động truyền giáo phát triển đạo như dịch, soạn các kinh, bản giáo lý. Nó cũng là phương tiện để ghi chép những hoạt động của các giáo sĩ và hoạt động của giáo dân. Từ lúc manh nha cho đến cuối thế kỷ XVIII, chữ Quốc ngữ chỉ là phương tiện ngôn ngữ của cộng đồng giáo dân Việt Nam. Đến đầu thế kỷ XX, chữ Quốc ngữ dần trở nên thông dụng trong cả nước, thay thế chữ Hán - Nôm. Những nhà Nho cách tân yêu nước đầu thế kỷ XX đã ra sức cổ vũ cho việc học chữ Quốc ngữ.

Nước ta học vấn thế nào?

Chẳng lo bỏ đại, lẽ nào đặng khôn

Chữ Quốc ngữ là hồn trong nước

Phải đem ra tính trước dân ta

Sách Âu Mỹ sách Chi Na

Chữ kia, chữ nọ dịch ra cho tường (Báo Nam Phong, 1918, số 18).

1.1.3. Giá trị báo chí

Theo Đỗ Quang Hưng (2000): trước năm 1945, báo chí tôn giáo ở nước ta có trên dưới 40 tờ, tuổi thọ của các tờ báo khác nhau. Trong đó báo chí Công giáo nhiều hơn cả (trên 20 tờ), rồi Phật giáo khoảng 10 tờ. Và của các tôn giáo khác là phần còn lại. Có thể kể tờ báo đầu tiên và cũng là tờ báo có tuổi đời lâu nhất đó là tờ *Nam kỳ địa phận* với 37 năm (từ 1908 - 1945). Báo có tất cả 12 mục, trong đó 6 mục có nội dung tôn giáo, 6 mục còn lại mang nội dung đời thường bàn luận đến nhiều vấn đề kinh tế, xã hội.

Về nội dung tôn giáo, báo đăng tải các văn kiện của Giáo hội như Thư chung của Giáo hoàng La Mã, văn bản hướng dẫn của các hội dòng, Thư chung về mùa chay cả, mùa vọng hàng năm. Đặc biệt là chuyên mục *Thánh kinh lược giải* là những bài viết giải thích Kinh Thánh. Cách biên soạn, giải thích ngắn gọn, lời văn chau chuốt, dễ hiểu.

Về nội dung kinh tế - xã hội khá đa dạng phong phú với các thông tin về nghề nghiệp, về phong hóa, về quan hệ cha mẹ, con cái, về bệnh tật và cách chữa bệnh, cuối cùng là mảng thơ phú. Nam kỳ địa phận còn có mục thông tin quảng cáo một hình thức mà mãi sau này báo chí cách mạng mới thể hiện. Báo chí Công giáo đóng góp sớm nhất vào “làng” báo Việt Nam. Báo chí là lĩnh vực của văn hóa được du nhập từ phương Tây vào nước ta. Cuộc tiếp xúc văn hóa Đông - Tây qua lĩnh vực báo chí bắt đầu ở Nam Kỳ với sự đóng góp của báo chí Công giáo. Báo chí đưa đến một phương thức truyền thông đại chúng mới. Ngay từ khi ra đời, báo chí Công giáo đã sớm tiếp cận với kiểu cách báo chí phương Tây về trình bày, minh họa, thông tin cập nhật.

Một hình thức sáng tạo mới về văn chương (tân văn) mà ngày nay quen gọi là văn thông tấn ra đời có sự đóng góp không nhỏ của báo chí Công giáo. Việc sử dụng chữ Quốc ngữ của báo chí Công giáo góp phần phát triển tiếng Việt. Đồng thời với ngôn ngữ “thuần Nam” của nhiều học giả viết báo thời đó là kho tàng ngôn ngữ vô giá cho các nhà nghiên cứu ngôn ngữ,

dân tộc học, văn hóa dân gian và cả tôn giáo. Báo chí Công giáo còn là kho tư liệu về lịch sử tôn giáo, về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội nước ta đương thời. Bản thân báo chí Công giáo là nguồn tư liệu cho các nhà nghiên cứu lịch sử báo chí nước ta. Sự ra đời của báo chí Công giáo từ đó xuất hiện những nhà báo có tên tuổi như Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trần Chánh Chiêu... Báo chí Công giáo, thúc đẩy hoạt động in ấn. Đó trước hết là nhà in Thừa sai sau đổi tên là nhà in Tân Định. Nhà in được thành lập từ năm 1874, hoạt động đến năm 1965 với tám giám mục thay nhau làm giám đốc.

1.1.4. Giá trị văn chương Công giáo

Văn chương hay văn học Công giáo được hiểu như thế nào? Theo chúng tôi đó là những tác phẩm được sáng tác từ nguồn cảm hứng Công giáo, có thể là Thiên Chúa Ba Ngôi, về Thánh nữ Maria, các Thánh Thông công, về tín lý, giáo lý, luân lý, về các hình thức sống đạo... Công giáo. Những tác phẩm ghi chép về lịch sử, biên khảo, diễn giải... không thuộc vào loại văn học Công giáo. Về thể loại có văn xuôi, thi ca (ca về văn) và kịch tuồng. Lực lượng sáng tác chủ yếu là người theo Công giáo (tín đồ, giáo sĩ, tu sĩ) người Việt Nam, cũng có thể là người nước ngoài. Nghiên cứu về văn học Công giáo một số tác giả có sự phân chia thành các thời kỳ. Nhà nghiên cứu Lê Đình Bảng gọi văn học Công giáo thế kỷ XVI - XVII là chặng đường “Vun đất gieo trồng” và văn học Công giáo thế kỷ XVIII - XIX là chặng đường “Đâm chồi nảy lộc”. Theo Linh mục Đa Minh Nguyễn Đức Thông thì phân chia thành văn học chữ Nôm và văn học chữ Quốc ngữ từ 1820 đến 2019 (Bùi Công Thuấn, 2024). Tác giả Bùi Công Thuấn trong bài viết: *Tổng quan về tiến trình văn học Công giáo* chia văn học Công giáo theo ba tiến trình lịch sử: Phần I: Thời kỳ *Gieo trồng đức tin* (văn học Công giáo từ thế kỷ XVII - XIX). Với thời kỳ *Gieo trồng đức tin*, đánh giá của tác giả là phát sinh nền văn học mới mẻ. Tuy số tác phẩm, tác giả hết sức ít ỏi, mục đích sáng tác là để truyền giáo, song đã gắn bó với hiện thực truyền giáo và lan tỏa sâu trong cộng đồng Công giáo góp phần làm nên bộ mặt văn hóa Công giáo trong lòng văn hóa dân tộc Việt Nam. Phần II: Thời kỳ *Khai mở văn học hiện đại* (đầu thế kỷ XX đến 1975). Với thời kỳ *Khai mở văn học hiện đại*, đánh giá của tác giả: “có sự phát triển mạnh mẽ và đi những bước đi tiên phong về tiểu thuyết, tuồng, kịch và thi ca. Các thể *Diễn ca*, *Huân ca*, *Truyện các Thánh* của thời kỳ trước tiếp tục phát triển. Đáng kể là tiểu thuyết có yếu tố Kitô giáo (*Truyện thầy Laza rô Phiền* của Nguyễn Trọng Quản, *Đôi bước lưu ly*, *Cha giết con* của Phê rô Nghĩa - Lê Thuận Bá; *Những ngày đẫm máu* của Nguyễn Duy Diễm, tiểu thuyết đầu tiên về các thánh tử đạo ở Việt Nam...) và thơ Hàn Mặc Tử. Phần III: Thời kỳ *Hội nhập* (từ 1975 đến nay). Sau khi trình bày những thành quả văn học Công giáo đạt được qua từng thời kỳ, tác giả Bùi Công Thuấn đi đến đánh giá vai trò, vị trí của văn học Công giáo từng thời kỳ.

Đối với văn học Công giáo “*Thời kỳ hội nhập*”, tác giả chỉ ra ba đặc điểm: 1 - Đã có sự hội nhập hoàn toàn. 2 - Có hai bộ phận văn học Công giáo ở trong nước và ở nước ngoài. 3 - Số lượng người Công giáo cầm bút khá đông đảo. Tuy nhiên, các tác phẩm đứng được trên diễn đàn văn học nghệ thuật là rất ít. Dù vậy, ý thức *xây dựng một nền văn*

hóa Công giáo là rõ nét và có những thành tựu vượt trội so với giai đoạn trước. Cuối cùng, tác giả nhận xét, đánh giá tổng luận về tình hình văn học Công giáo: Thứ nhất, chủ yếu mang yếu tố tự phát không được xây dựng một cách có ý thức. Thứ hai, góp phần vào công cuộc xây dựng văn hóa dân tộc, đem lại cho văn hóa dân tộc *tư tưởng thần học và mỹ học Kitô giáo*, thay thế hủ tư tưởng phong kiến, ảnh hưởng văn hóa, điển ngữ văn học Trung Quốc (được gọi là ý thức thoát Trung). Thứ ba, *góp phần hiện đại hóa văn học Việt Nam*. Thứ tư, đem đến cho văn học Việt Nam *Những hình tượng mới*. Thứ năm, phản ánh một hiện thực mới, khai thác những quãng mờ, vĩa tăng văn hóa mới. Thứ sáu, đem đến cho văn học dân tộc *vốn từ ngôn ngữ “nhã đạo”*. Thứ bảy, thể hiện khuôn mặt văn học, là tiếng nói của người Công giáo, một bộ phận trong cộng đồng dân tộc, những *tiếng nói có trách nhiệm* với dân tộc.

Văn học Công giáo suốt 400 năm luôn nỗ lực “hội nhập” với dân tộc, việc hội nhập còn được thể hiện bằng *xây dựng những hình tượng con người Việt Nam*. Xét đến cùng, văn học Công giáo Việt Nam chưa có tác phẩm lớn (Bùi Công Thuận, 2024). Có thể còn những nhận định, đánh giá cũng như phân loại chặng đường văn học Công giáo ở Việt Nam, nhưng theo chúng tôi sự phân loại, đánh giá của tác giả Bùi Công Thuận rất đáng ghi nhận.

1.1.5. Giá trị về lễ hội

Lễ hội Công giáo nên được xem xét, thảo luận dưới chiều kích phi quan phương. Bởi nhìn từ chiều kích chính thống/quan phương, Công giáo ở Việt Nam về nghi lễ đều diễn ra nơi nhà thờ Công giáo với thánh lễ đã được quy định nghiêm ngặt theo quy định của *Sách lễ Rôma*. Những hình thức biểu hiện lễ hội, nhìn từ quan phương mới được Giáo hội Công giáo đề ra từ Thư chung 1980: “Xây dựng trong Hội Thánh một nếp sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc”. Đường hướng này dựa trên nguyên tắc mà Vatican II (1962 - 1965) tuyên bố: “Những gì tốt đẹp trong tâm hồn và tư tưởng của loài người hoặc trong nghi lễ riêng của các dân tộc, hoạt động của Hội Thánh không nhằm tiêu diệt, nhưng làm cho lành mạnh, nâng cao, kiện toàn, hầu làm vinh danh Thiên Chúa và mưu cầu hạnh phúc cho con người” (Nguyễn Hồng Dương, 2010b). Do trước Công đồng Vatican II (1962 - 1965), cụ thể hơn là trước khi có Thư chung 1980, Giáo hội Công giáo mới “mở” ra tư tưởng về hội nhập trong đó có vấn đề lễ hội, một biểu hiện của nghi lễ Công giáo. Vậy lễ hội Công giáo hình thành trên cơ sở nào? Những giá trị gì mà nó đem lại cho văn hoá Việt. Có thể lý giải một cách vắn tắt: Truyền bá Công giáo vào Việt Nam, các giáo sĩ thừa sai nhận ra vai trò, vị trí của làng Việt. Từ đó, họ “nuơng” theo làng Việt thành lập xứ, họ đạo, dần hình thành nên một loại hình làng Công giáo. Nếu toàn bộ hay phần lớn cư dân của làng gia nhập đạo sẽ hình thành nên *làng Công giáo toàn tòng*. Làng Việt hình thành, phát triển từ thời “các Vua Hùng dựng nước” hình thành nên *văn hoá làng*. Nuơng theo làng Việt, các giáo sĩ kỳ vọng tạo nên những “đơn nguyên” Công giáo. Ở đó mọi phong tục, văn hoá truyền thống sẽ bị đẩy lùi để xác lập một lối sống đạo được gọi là “nhập cảng” từ Tây Âu. Song đó là kỳ vọng không toàn bích. Người Việt Công giáo ngoài sống đạo theo quy định ngặt nghèo của các thừa sai, trải thời gian từng bước còn biểu hiện một lối sống đạo theo tâm thức của người Việt. Tâm

thức ấy dựa trên cơ tầng văn hoá truyền thống Việt. Điều mà sau này dưới triều đại của Giáo hoàng Gioan Phaolô II gọi là *lòng đạo đức bình dân*. Trong việc thể hiện lòng đạo đức bình dân của người Công giáo ở Việt Nam, có lễ hội từ đó hình thành nên *lễ hội làng Công giáo*. Sở dĩ gọi là lễ hội vì có cả phần lễ và phần hội. Phần lễ là một Thánh lễ tổ chức ở Thánh đường. Phần hội bao gồm các hình thức diễn xướng của cộng đồng giáo dân làng quê - xứ đạo. Ở đó là cuộc đi kiệu rầm rộ, là tấu nhạc có thể là ban nhạc Tây (kèn đồng), ban nhạc Nam (bát âm), là hình thức múa trống (dân gian gọi là trống nhẩy), là các mô hình chim phượng, tàu biển... Biểu hiện rõ nét của lễ hội Công giáo là các lễ hội kỷ niệm Thánh Quan thầy xứ, họ đạo, Thánh Quan thầy địa phận, kỷ niệm thánh tử đạo. Một trong những lễ hội tiêu biểu thể hiện rõ nhất ở các làng quê xứ họ đạo Công giáo miền Bắc đó là kỷ niệm Thánh Nữ Maria/Đức Mẹ/Đức Bà trong tháng Hoa/tháng Năm. Ngoài cuộc đi kiệu rầm rộ với kiệu vàng, bát bửu, Thánh giá nền cao, ban nhạc còn là các trò diễn xướng như kể hạnh, kéo chữ, múa hát dâng hoa. Các trò diễn trên thường là biến tấu của dân ca, dân vũ truyền thống. Ví dụ, ở giáo phận Vinh (Nghệ An - Hà Tĩnh trước đây) tuần Châu lượt của xứ đạo cũng được tổ chức như một lễ hội.

Lòng đạo đức bình dân còn thể hiện ở việc Việt hóa một số nghi lễ trong Tuần Thánh, trong việc thờ phụng Thánh Nữ Maria, một số Thánh Thông công, trong một số nghi tục đón tết Nguyên đán, trong lễ cầu mùa, cầu bằng yên, nghi tục hạ điền, thượng điền, mừng cơm mới. Ở nhiều làng quê - xứ đạo Công giáo huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình, một vùng đất mới mở thời vua Minh Mạng với vai trò của Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ và những người khai cơ mở đất (nguyên, thứ mộ) phần nhiều không phải là tín đồ Công giáo nhưng vẫn được người Công giáo tham gia vào việc lập đền, miếu thờ phụng. Lễ hội làng Công giáo như đã đề cập cho đến trước Thư chung 1980 là tự phát, được hiểu là phi quan phương nên có những biểu hiện khác nhau đôi chút ở mỗi làng. Nhưng chúng đều có chung một số giá trị như: Làm phong phú thêm lễ hội tôn giáo, lễ hội làng Việt; chứng tỏ văn hoá Việt, cụ thể hơn là văn hoá làng có sức sống lâu bền; dù muốn dù không, Công giáo truyền bá vào Việt Nam vẫn phải có sự hội nhập với văn hoá truyền thống Việt Nam.

1.2. Hệ giá trị văn hóa vật thể

Văn hóa vật thể (hay văn hóa vật chất) của Công giáo nói chung và ở Việt Nam nói riêng rất đa dạng. Nội dung này tập trung đề cập đến một số loại hình như: kiến trúc, mỹ thuật nhà thờ; tranh ảnh tượng và một số khí tự nơi nhà thờ Công giáo.

Nhờ thờ Công giáo còn được gọi là thánh đường, giáo đường, là nơi tín hữu gặp gỡ và thờ phượng Thiên Chúa đặc biệt là Chúa Giêsu hiện diện trong bí tích Thánh Thể, cũng là nơi họ quy tụ thành cộng đoàn Hội thánh địa phương, cùng nhau cầu nguyện và tham dự các nghi thức phụng vụ (Hội đồng Giám mục Việt Nam, 2016: 636). Công cuộc truyền giáo, phát triển Công giáo ở Việt Nam thời gian đầu do các đoàn truyền giáo thuộc một số quốc gia Tây Âu thực hiện. Các đoàn truyền giáo khi xây dựng nhà thờ thường lấy mẫu từ quốc gia của họ. Nổi lên là mẫu nhà thờ từ Tây Ban Nha với vai trò của dòng Đa Minh và mẫu nhà thờ từ nước Pháp với vai trò của Hội Thừa sai Paris (MEP). Loại nhà thờ lấy mẫu từ Tây Âu được dân

gian gọi là nhà thờ Tây. Hiện diện nhà thờ Công giáo ở Việt Nam còn có loại hình nhà thờ kiến trúc theo phong cách Á Đông, dân gian gọi là nhà thờ Nam (kiến trúc theo phong cách Việt Nam).

Nhà thờ theo phong cách Tây Âu (nhà thờ Tây) chủ yếu theo lối kiến trúc Roman và lối kiến trúc Gothique. Tuy nhiên, hiện diện ở Việt Nam chủ yếu là lối kiến trúc Gothique vốn xuất hiện ở Tây Âu từ thế kỷ XII. Đó là lối kiến trúc hình tiêm cung, khung vòm, cột cuốn theo hình cung. Loại hình nhà thờ này có thể kể các nhà thờ tiêu biểu như nhà thờ Chính tòa Tổng Giáo phận Hà Nội, nhà thờ Kẻ Sở (Kiện Khê, Thanh Liêm, Hà Nam), nhà thờ Đức Bà Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh). Do điều kiện kinh phí cũng như kỹ thuật xây dựng, phần nhiều các nhà thờ được xem là “nhà thờ Tây” xây dựng vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và các nhà thờ sau này theo lối kiến trúc Gothique nhưng đã giản lược được dân gian gọi là “gọng vó” bởi vòm mái giống hình gọng chiếc vó bè. Cửa ra vào có uốn cong nhưng không phải là hình tiêm nhọn được dân gian gọi là “cửa cổng”. Sự biến thể trên có thể xem là sáng kiến của người Việt, làm phong phú thêm loại hình kiến trúc “nhà thờ Tây” của Công giáo ở Việt Nam.

Một loại hình kiến trúc thứ hai là “nhà thờ Nam”. Với loại hình kiến trúc này, qua khảo sát thực tế chúng tôi chia thành nhà thờ kiến trúc thuần Nam và nhà thờ kiến trúc “vỏ Tây”, “ruột Nam”. Hai loại hình kiến trúc này đều có một đặc trưng chung là các bộ khung gỗ cổ truyền. Khác nhau ở chỗ nhà thờ thuần Nam không có tháp chuông gắn với mặt tiền nhà thờ. Trong khi đó nhà thờ vỏ Tây, ruột Nam thì có. Những trang trí trong nội, ngoại thất nhà thờ thuần Nam thường phong phú hơn nhà thờ vỏ Tây ruột Nam.

Loại nhà thờ thuần Nam tiêu biểu là quần thể Thánh đường tòa địa phận Phát Diệm (Kim Sơn, Ninh Bình). Ở đó từ phương đình, nhà thờ lớn (nhà thờ Đức Mẹ Mân Côi), bốn nhà thờ cạnh nhà thờ Lớn đặc biệt là nhà thờ Đức Mẹ Vô nhiễm nguyên tội, toàn bộ khung, cột kèo đều bằng đá, dân gian quen gọi là Nhà thờ Đá. Một trong những nhà thờ Nam tiêu biểu đó là nhà thờ giáo xứ Trung Lao (xã Trung Đồng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định) còn được gọi là Đền Thánh Trung Lao. Đây là một công trình kiến trúc độc đáo kết hợp yếu tố Gothique, Tây Ban Nha và kiến trúc truyền thống Việt Nam. Đáng tiếc cuộc hỏa hoạn ngày 05/8/2017 khiến toàn bộ nội thất và một phần mái của nhà thờ bị thiêu rụi.

Sự xuất hiện nhà thờ Tây với phong cách Gothique hay Gothique biến thể với tháp chuông cao vút đã làm phong phú loại hình cơ sở tôn giáo ở Việt Nam. Đặc biệt, theo đó còn là những kỹ thuật xây dựng với vòm mái tiêm cung thể hiện sự tài hoa của người Việt.

Sự hiện diện của nhà thờ Nam, không chỉ biểu hiện sự hội nhập văn hóa Công giáo với văn hóa truyền thống Việt Nam mà qua đó góp phần tạo nên một loại hình cơ sở thờ tự mới. Nếu như nhà thờ Tây ít có sự trang trí mỹ thuật, nội ngoại thất, thì nhà thờ Nam ngược lại. Một số nhà thờ Nam như nhà thờ xứ Trung Lao, nhà thờ xứ Dương Sơn (Huế), nhà thờ An Vân (Huế), nhà thờ Đông Xuyên Ngoại (Hải Phòng)... có các đồ án trang trí ở đầu cột, ở ván mê được chạm trổ hình hoa lá cách điệu, hình chim chóc rất sinh động.

Bên trong nhà thờ, vách cung thánh nhà thờ Nam và nhiều nhà thờ Tây được làm bằng gỗ, sơn son, thếp vàng một hình thức trang trí truyền thống Việt Nam. Nơi vách cung thánh, hoặc vách tường cung thánh thường được thiết kế các “tòa” để thiết trí tượng Thiên Chúa, tượng thánh gia (gia đình Thánh/gia đình Chúa Giêsu), tượng Thánh nữ Maria với các tước hiệu, tượng một số thánh thông công, thánh tử đạo. Phần nhiều các tượng này là tượng tròn mang hình hài vóc dáng phương Tây. Theo thời gian, tượng Thánh nữ Maria (được tín đồ tôn xưng là Đức Mẹ, Đức Bà...) đã có sự hội nhập với văn hóa Việt Nam. Tiêu biểu là tượng Đức Mẹ La Vang với gương mặt phụ nữ Việt nhân lành, đôn hậu, đầu đội khăn vành màu vàng, y phục đại trà. Sự hội nhập còn phải kể đến bốn pho tượng/bốn Thánh sử, chếp Phúc âm được đặt ở bốn góc trên đỉnh Phương đình khu quần thể Thánh đường Phát Diệm. Cả bốn pho tượng đều mang gương mặt Á Đông, dáng ngồi đế vương, y áo họa tiết đăng vân. Nơi nhà thờ Công giáo chủ yếu là ở các xứ đạo miền Bắc còn có các pháp tự như bát bửu, chuông Nam (một loại hình chuông chùa, muốn cho chuông phát ra âm thanh phải nện bằng vồ). Đặc biệt, các cổ kiệu dùng để đặt tượng hoặc ảnh Đức Maria, Thánh Quan thầy trong các dịp đi kiệu. Trên đây chỉ là một vài dẫn chứng về kiến trúc, mỹ thuật ở nhà thờ Công giáo. Nếu như về kiến trúc thể hiện sự hội nhập qua loại hình kiến trúc nhà thờ Nam với các đồ án trang trí thì tranh tượng và một số đồ khí tự cũng từng bước thể hiện sự hội nhập.

2. Giá trị đạo đức nhìn từ tu dưỡng bản thân

Cũng như một số tôn giáo khác, Công giáo có quan niệm về con người, về tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Mỗi tín đồ phải sống có trách nhiệm với bản thân, làm tròn bổn phận của mình. Việc tu dưỡng, rèn luyện bản thân của người Công giáo bắt nguồn từ nền tảng Kinh thánh và những quy định bởi tín lý, giáo lý.

Về nền tảng Kinh thánh: con người do Thiên Chúa tạo dựng. Con người gồm hai phần linh hồn và thể xác. Con người là chi thể của Thiên Chúa, là đền thờ Thiên Chúa. Việc tu dưỡng hoàn thiện bản thân của con người không chỉ cho một cá thể mà còn là trách nhiệm đối với Thiên Chúa. Về điểm này, Công đồng Vatican II viết: “Là một thực thể có xác và hồn, con người nhờ chính điều kiện có xác của mình, quy tụ nơi mình những yếu tố của thể giới vật chất, cho nên nhờ con người, các yếu tố ấy đạt đến tuyệt đỉnh của chúng ta và có thể tự do dâng lời ca ngợi Đấng Tạo Hóa. Vì vậy, con người không được khinh miệt sự sống thể xác, nhưng trái lại, con người phải coi thân xác của mình là tốt đẹp và đáng tôn trọng vì thân xác ấy do Chúa tạo dựng và sẽ được sống lại trong ngày sau hết” (MV.14, 6-7)².

Trong tu dưỡng bản thân, *trước hết* con người phải sống có lương tâm. Lương tâm hiện diện trong trái tim nhân vị, phải làm lành, lánh dữ. Quan niệm Công giáo xem “lương tâm là hạt nhân bí ẩn nhất và là cung thánh của con người”. *Sách giáo lý Công giáo*, Đ.1780 và 1781 viết: “Lương tâm gồm có việc nhận thức các hoàn cảnh cụ thể và nhờ phân định thực tiễn các lý lẽ và lợi ích và cuối cùng, việc phán đoán các hành vi cụ thể

² Hiến chế Mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay, đoạn 14, dòng 6 - 7 của Công Đồng Vatican II.

phải làm hay đã làm. Lương tâm phải đi liền với trách nhiệm về những hành vi đã thực hiện” (HĐGMVN, 2009: 525).

Thứ hai, con người phải có những nhân đức, nhân bản *Sách Giáo lý Công giáo* các Đ.1805, 1807, 1808, 1809 cho biết: có bốn nhân đức được giữ nhiệm vụ “cột trụ và được gọi là các nhân đức “trụ”, mọi nhân đức khác đều quy tụ quanh bốn nhân đức này. Đó là khôn ngoan, công bằng, can đảm và tiết độ. *Khôn ngoan* là nhân đức giúp lý trí sẵn sàng trong mọi hoàn cảnh phân định được điều thiện đích thực và lựa chọn những phương diện thích hợp để đạt tới điều thiện đó. *Công bằng* là nhân đức luân lý cốt tại một yếu tố bền bỉ và vững chắc, quyết tâm trả lại những gì mình mắc nợ với Thiên Chúa và với người lân cận. *Can đảm* là nhân đức luân lý giúp người tín đồ kiên trì và quyết tâm theo đuổi điều thiện, củng cố sự quyết tâm chống lại các cám dỗ, đương đầu với thử thách vượt qua các chướng ngại. *Tiết độ* là nhân đức luân lý giúp điều tiết sức lôi cuốn của những thú vui và giữ sự chừng mực trong việc sử dụng của cải trần thế (HĐGMVN, 2009: 530-531).

Thứ ba, con người đối với bốn phận bản thân còn là việc nhận ra các tội lỗi, ngoài tội Tổ tông và các tội phạm đến lương tâm, đến nhân bản và các tội xã hội khác. Con người phải bảo vệ sự sống từ chính bản thân mình. Với tín đồ Công giáo, một ai đó tự vẫn dù bất kỳ hình thức nào đều phạm lề luật Thiên Chúa. Những người như thế được xem là lỗi đạo nặng. Thi thể của họ được an táng ở một góc nghĩa trang (người Công giáo gọi là Vườn Thánh) đó là mảnh đất bị nguyên rủa. Người tín đồ chân chính luôn tự biết mình, tu dưỡng bản thân. Trong Thánh lễ, người Công giáo qua việc làm dùng tay phải đập nhẹ vào ngực trái, nơi có trái tim rồi tự hỏi: “Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng” để nhắc nhở mình sống theo “bốn trụ cột”. Khi nhận ra mình có tội (với Thiên Chúa, với bản thân, và với tha nhân), tín đồ xin được cha xứ giải tội để mong sửa chữa. Do quan niệm Thiên Chúa “ngự” trong chính tâm hồn mình, nên tín đồ chân chính thường sống “tiết độ”, “hãm mình”, “dọn mình” để giữ cho tâm hồn luôn trong sạch. Do vậy, từ xưa tới nay, người Công giáo thường ít lâm vào tệ nạn nghiện hút. Bởi đó là việc làm hủy hoại thân thể. Những nhân đức, nhân bản: khôn ngoan, công bằng, can đảm, tiết độ mà Công giáo đòi hỏi ở mỗi tín đồ cũng là nhân đức, nhân bản của con người ở mọi thời đại bởi giá trị thường hằng của nó. Người Công giáo thực hiện tốt các nhân đức, nhân bản trên, họ không chỉ là con chiên ngoan đạo mà còn là con người tốt giúp ích cho xã hội. Bởi con người là chủ nhân xã hội. Con người có tốt, xã hội mới tốt.

3. Giá trị về lối sống

Nội dung này tập trung đề cập ba chiều cạnh: lối sống gia đình, lối sống với những người đồng đạo và lối sống với những người khác đạo.

Lối sống gia đình được xét ở các chiều cạnh như con cái đối với cha mẹ, ông bà; anh chị em đối với nhau; cha mẹ đối với con cái. Gia nhập đạo Công giáo, người Việt Nam Công giáo một mặt sống bốn phận với gia đình theo lề luật đạo, mặt khác lối sống này còn bị chi phối bởi đạo đức, phong hóa, lối sống truyền thống của người Việt. Ở đó là những phẩm hạnh hiếu đễ với cha mẹ, thủy chung vợ chồng, thương người như thương mình vậy, sống có trách nhiệm với cộng đồng.

So với bộ phận tín đồ các tôn giáo khác, tỷ lệ ly hôn trong cộng đồng Công giáo thường thấp hơn. Ấy là lời Chúa “Sự gì Thiên Chúa kết hợp, loài người không được phân lý” (Mc 19, 6)³. Giáo hội Công giáo quy định chế độ một vợ, một chồng, xưa gọi là phép nhất phu, nhất phụ. Gia đình Công giáo phải là sự kết hợp giữa một người nam và một người nữ, phải có trách nhiệm sinh sản. Vì vậy, cho đến nay Giáo hội Công giáo cấm kết hôn đồng giới. Luật buộc người Công giáo không được nạo phá thai, coi đó là tội giết người và như vậy sẽ phạm tội trọng. Từ sau Công đồng Vatican II, nhất là từ cuối thế kỷ XX khi mà trào lưu thế tục hóa phát triển mạnh, khi mà đời sống gia đình có nguy cơ bị phá vỡ ngày một tăng, Giáo hội Công giáo càng chú ý đến đời sống gia đình. Nhân dịp năm 1994 Liên hiệp quốc đề xướng là Năm gia đình, Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã công bố *Năm Thánh hóa gia đình* đối với Giáo hội Công giáo. Từ thời điểm đó đến nay Giáo hội Công giáo hoàn vũ cũng như Giáo hội Công giáo Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến gia đình. Giáo hoàng Gioan Phaolô II trong đoạn kết của *Tông huấn Familiaris Consortio* xác quyết: “Tương lai nhân loại sẽ đến qua gia đình”. Giáo hoàng Phanxicô cũng xác quyết rằng: “Thiện ích của gia đình là điều có tính quyết định đối với tương lai của thế giới và Hội thánh”.

Về phía Giáo hội Công giáo Việt Nam, Thư mục vụ của Hội đồng Giám mục Việt Nam làm tại Hà Nội, ngày 17/10/1998, đoạn 7 về *Vai trò gia đình* viết: “Gia đình là Hội thánh tại gia giữa lòng cộng đồng Kitô. Gia đình là trường học đầu tiên. Cha mẹ là những người giáo dục đầu tiên. Sách giáo khoa đầu tiên là những quan hệ trong gia đình, giữa cha mẹ với nhau, giữa cha mẹ với con cái, giữa gia đình này với gia đình khác” (TMV, 1998). Năm 2013, Hội đồng Giám mục Việt Nam ra Thư chung: *Hội thánh Công giáo tại Việt Nam và công cuộc Tân Phúc âm hóa*. Một kế hoạch mục vụ kéo dài 3 năm (2014 - 2016) chủ đề của năm đầu tiên, năm 2014 là *Phúc âm hóa đời sống gia đình*. Để thực hiện Phúc âm hóa đời sống gia đình, Thư chung mời gọi “Xây dựng gia đình thành một cộng đoàn cầu nguyện, sống tình yêu hợp nhất, thủy chung, phục vụ sự sống và hăng say loan báo Tin mừng” (TC, 2014). Ở một đoạn khác, Thư chung đề nghị một số việc mục vụ như: Chuẩn bị cho giới trẻ bước vào đời sống hôn nhân gia đình; đồng hành với gia đình trẻ và những anh chị em đang gặp khó khăn vì hôn nhân đổ vỡ, gia đình ly tán; các mục tử cần đồng hành, hướng dẫn, nâng đỡ các nhóm, hiệp hội, phong trào tu đức và tông đồ đang dần thân chăm lo mục vụ gia đình theo những cách thể và mức độ khác nhau. Các giáo phận nên quan tâm đến việc đào tạo giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân chuyên trách mục vụ gia đình” (Thư chung, 2013). Xem gia đình là Hội thánh tại gia, ông bà, bố mẹ, con cháu hòa thuận, sống lớp lang, vợ chồng thủy chung, không chỉ tạo nền tảng bình yên cho Giáo hội Công giáo mà còn là nền tảng cho xã hội phát triển bền vững. Vì vậy, lối sống đời sống gia đình của Công giáo là một giá trị Công giáo.

Lối sống với những người đồng đạo: Cùng sống chung trong một xứ đạo, họ đạo, cùng đồng đạo, cùng có chung một Thánh Quan thầy xứ đạo, họ đạo, rộng hơn là hạt đạo, địa phận đã là sợi dây liên kết giữa những người Công giáo với nhau. Không ở đâu quan

³ Sách Mác Cô đoạn 19, dòng 6 trong Kinh Thánh.

niệm “bán anh em xa mua láng giềng gần” được thấu hiểu và thực hành như cư dân ở họ đạo/họ giáo. Cộng đồng cư dân trong họ đạo nương tựa vào nhau không chỉ sống đạo, giữ đạo mà còn để sống đời. Họ giúp đỡ nhau khi xây dựng nhà cửa, khi ốm đau, khi có việc hiếu, hỷ. Cộng đồng cũng thường có những chia sẻ tương trợ nhau về vật chất cũng như tinh thần tạo sự hòa hiếu. Mỗi đứa trẻ ở họ đạo sinh ra, ngoài cha mẹ đẻ còn có cha mẹ đỡ đầu. Một người nào đó sắp qua đời, họ đạo tập trung cầu nguyện cho họ được “Về nhà Cha” thanh thản. Khi họ đạo có người qua đời, nghe tiếng chuông sáo (chuông báo tử) của nhà thờ, giáo dân dù đang làm gì cũng dừng lại đọc kinh, tỏ lòng thương tiếc một chiên Chúa mới qua đời. Dịp giỗ chạp, tưởng niệm người qua đời của mỗi gia đình đều có những gia đình xung quanh đến hiệp nguyện. Thánh lễ dành cho người qua đời được tổ chức trang trọng, có thể được tổ chức ở nhà tang chủ cũng có thể tổ chức ở nhà thờ giáo xứ với sự hiện diện của hầu hết tín đồ xứ, họ đạo.

Những người Công giáo thường có thói quen tụ tập đọc kinh sáng, tối ở nhà thờ giáo xứ hay nhà nguyện giáo họ. Ngày chủ nhật giáo dân “nghỉ phần xác” đến nhà thờ tham dự Thánh lễ. Sinh hoạt tôn giáo gắn kết họ với nhau trong lễ ngày thường, Thánh lễ chủ nhật, lễ kỷ niệm Thánh Quan thầy xứ, họ đạo, tuần Châu lượt. Đây là dịp họ chia sẻ, trợ giúp nhau trong tinh thần đồng đạo. Do tính cộng đồng bền chặt, được gắn kết bởi niềm tin tôn giáo, người Công giáo sống trong xứ, họ đạo thường ít xảy ra va chạm, mâu thuẫn. Khi vụ việc xảy ra thường được giải quyết ổn thỏa. Như vậy, người Công giáo không chỉ sống cho cá nhân, cho gia đình mà còn sống với cộng đoàn có thể là liên gia, một hội đoàn, là giáo họ, giáo xứ cũng có thể là giáo phận. Lối sống như vậy góp phần tạo nên sự bình yên làng xóm (Nguyễn Hồng Dương, 2004: 322-329). Và hiện tại đã và đang tạo nền tảng để các xứ, họ đạo ngày càng có nhiều đóng góp trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, sống tốt đời đẹp đạo” nói riêng do Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam phát động.

Lối sống với những người khác đạo: Trước Công đồng Vatican II, về mặt quan phương lối sống của giáo dân đối với những người khác đạo là tiêu cực. Giáo dân bị nghiêm cấm không được tham gia hội làng, không xem chèo hát, không ăn cơm cúng, không học chữ Nho, học thuốc... với người khác đạo. Thời kỳ dân tộc ta tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, kẻ thù chia rẽ đoàn kết tôn giáo. Đã có những vụ xô xát giữa làng lương và làng giáo. Tuy nhiên, về mặt phi quan phương, giáo dân ở hầu hết các xứ, họ đạo từ trước Công đồng Vatican II đã có mối quan hệ tốt với người khác đạo, bởi giữa họ với nhau là anh em cùng một dòng họ, cùng một nơi cư trú (xóm, làng) tối lửa tắt đèn có nhau. Lương và giáo cùng hợp lực xây dựng quê hương, bảo vệ xóm làng. Giáo dân cùng với lương dân đắp đê chống lụt, chung tay khắc phục hạn hán. Công cuộc khẩn hoang lập các huyện Tiền Hải (Thái Bình cũ), Kim Sơn (Ninh Bình cũ) là thành quả hiệp lực, đồng cam cộng khổ của giáo dân và lương dân. Hầu hết các làng Công giáo ở huyện Kim Sơn, giáo dân đều tham gia xây dựng đền, miếu thờ cúng những người có công khai khẩn lập nên thôn ấp được gọi là các nguyên, thứ mộ. Sau ngày miền Bắc

giải phóng (1954) nghĩa là trước Công đồng Vatican II hơn chục năm giáo dân cùng với lương dân trong xóm, trong làng đoàn kết xây dựng cuộc sống mới.

Từ sau năm 1975, đất nước thống nhất, nhất là từ năm 1980 với đường hướng mục vụ mà Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam đề ra “Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”, mối quan hệ giữa giáo dân và lương dân ngày một cởi mở, không còn sự ngăn ngại nào. Lễ hội làng lương có sự hiện diện của linh mục xứ, của đại diện cộng đoàn giáo dân xứ, họ đạo cũng như sự tham gia của giáo dân. Ngược lại, những lễ lớn của xứ, họ đạo như Giáng sinh, Phục sinh, lễ Thánh Quan thầy xứ đạo đều thấy các nhà sư, đại diện cho cộng đồng lương dân đến tham dự. Lễ Giáng sinh ngày nay đã trở nên là ngày hội của cả giáo dân và lương dân. Ngày nay, giáo dân thỏa sức xem chèo hát mà không sợ rồi đạo cũng không sợ bất cứ sự cấm cản nào từ phía giáo quyền. Đến dự đám tang của người khác đạo, giáo dân thắp hương, kính lễ trước người quá cố. Người Công giáo đến đình làng hội họp bàn bạc việc sửa đường làng, lập quy ước nếp sống mới. Ở nhiều làng quê vùng Đồng bằng Bắc bộ, giáo dân tham gia góp công, góp của xây dựng, sửa chữa đình, đền, chùa. Trong khi đó, lương dân cũng tham góp vào việc xây dựng cơ sở thờ tự của xứ, họ đạo (Nguyễn Hồng Dương, 2001: 342-345). Mối quan hệ giữa những người khác đạo tạo nên giá trị đoàn kết lương giáo, đoàn kết tôn giáo, hòa hợp dân tộc của cộng đồng giáo dân với bắt đầu từ xứ, họ đạo, làng Công giáo.

Kết luận

So với các tôn giáo truyền thống (Nho, Phật, Đạo) ở Việt Nam, Công giáo đến Việt Nam muộn hơn, song trải thời gian đã là hơn 400 năm với khoảng 7,2 triệu tín đồ (tính đến thời điểm 2022), Công giáo đã hiện diện ở tất cả các tỉnh thành Việt Nam với số lượng nhiều ít khác nhau. Trải qua thời gian, Công giáo ở Việt Nam đã tạo lập nên hệ giá trị trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Tuy nhiên, có lẽ nổi trội nhất vẫn là hệ giá trị văn hoá, đạo đức và lối sống. Hệ giá trị nhìn từ văn hoá, đạo đức và lối sống được hình thành bởi những con đường khác nhau. Có những thành tựu là tự phát do chính những cộng đồng tín đồ tác tạo; lại có những thành tựu được hướng đạo từ phía giáo quyền; cũng có khi là hợp lộ giữa hai con đường. Hệ giá trị văn hoá, đạo đức và lối sống Công giáo ở Việt Nam là sự hợp thành, hợp tố văn hoá Đông - Tây. Văn hoá Kitô giáo truyền nhập vào Việt Nam dù ban đầu nhiều yếu tố mang tính nhập cảnh cứng nhắc nhưng dưới tác động của cơ tầng văn hoá Việt đã trở nên mềm hóa, Việt hóa, hội nhập văn hoá Việt. Văn hoá Việt trở nên giàu có, sinh động với những hoa trái mới.

Bắt đầu từ Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam, Giáo hội Công giáo qua một số Thư chung và Thư mục vụ tiếp tục đề ra đường hướng để văn hoá Công giáo hội nhập sâu rộng hơn nữa vào văn hoá truyền thống Việt Nam. Do vậy, hệ giá trị Công giáo tiếp cận từ hệ giá trị Việt Nam, trong đó có văn hoá, đạo đức và lối sống tiếp tục triển nở và đó là nguồn lực để phát triển xã hội./.

Tài liệu tham khảo

1. Cộng đồng Vatican II (1995), *Hiến chế, Sắc lệnh và Tuyên ngôn*, Tủ sách Đại kết.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đỗ Quang Chính (2000), “Alexandre de Rhodes công bố sách Quốc ngữ đầu tiên”, trong: *Một số vấn đề văn hoá Công giáo ở Việt Nam từ khởi thủy đến đầu thế kỷ XX*, Tòa Tổng Giám mục Huế tổ chức.
4. Nguyễn Hồng Dương (2001), *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hoá Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Hồng Dương (2004), *Tôn giáo trong văn hoá và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên, 2010a), *Nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
7. Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên, 2010b), *30 năm Thư chung 1980*, Hội đồng Giám mục Việt Nam, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2003), *Hướng dẫn về lòng đạo đức bình dân và phụng vụ, nguyên tắc và định hướng*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
9. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2007), *Tóm lược học thuyết xã hội của Giáo hội Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
10. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2009), *Sách giáo lý của Hội Thánh Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
11. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2016), *Từ điển Công giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
12. Phạm Minh Hạc (2012), *Giá trị học*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.
13. Nguyễn Duy Hình, Lê Đức Hạnh (2014), *Giá trị tư tưởng tôn giáo phương Đông và những ảnh hưởng ở Việt Nam*, Nxb. Văn hoá - Thông tin và Viện Văn hoá, Hà Nội.
14. Đỗ Quang Hưng (2000), “Báo chí Công giáo Việt Nam thời kỳ đầu”, trong: *Một số vấn đề văn hoá Công giáo ở Việt Nam từ khởi thủy đến đầu thế kỷ XX*, Tòa Tổng Giám mục Huế tổ chức.
15. Lan Hương (2022), *Hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam, hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa - yếu tố quan trọng để phát triển đất nước*, <https://vuthuvien.bvhttdl.gov.vn/he-gia-tri-gia-dinh-va-chuan-muc-con-nguoi-viet-nam-he-gia-tri-quoc-gia-he-gia-tri-van-hoa-yeu-to-quan-trong-de-phat-trien-dat-nuoc/>, ngày đăng tải: 30/11/2022, ngày truy cập 15/8/2024.
16. *Kinh thánh, ấn bản* (2011), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

17. Hồ Sỹ Quý (2015), “Mấy vấn đề về hệ giá trị Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, số 1, tr 40-46.
18. Trần Ngọc Thêm (2015), *Một số vấn đề về giá trị và hệ giá trị Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
19. Bùi Công Thuấn (2024), “Tổng quan về tiến trình văn học Công giáo”, Giáo phận Xuân Lộc - Đất mới, vanhoadatmoi.net, ngày truy cập 5/12/2024.
20. Nguyễn Phước Tương (2001), “Giáo sĩ Bồ Đào Nha Francisco de Pina - người tiên phong sáng tạo chữ Quốc ngữ”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 5.

Abstract

THE VALUE SYSTEM OF CATHOLICISM IN VIETNAM: AN APPROACH FROM THE PERSPECTIVE OF VIETNAMESE CULTURAL VALUE SYSTEM

Nguyen Hong Duong

Served as Director of the Institute for Religious Studies

Nguyen Thi Que Huong

Institute of Anthropology and Religious Studies

Over more than 400 years of evangelization and development in Vietnam, Catholicism has significantly influenced and left notable imprints on various aspects of Vietnamese life. This article highlights some of the key values of Catholicism in Vietnam across three dimensions: culture, ethics, and lifestyle. These constitute the prominent categories of values that have played a central role throughout the history of Catholicism's presence in Vietnam. From the cultural perspective, Catholicism is regarded as a cultural bridge between East and West, expressed through worldview, human outlook, and both tangible and intangible cultural values. From the ethical perspective, the article focuses on the moral cultivation of Catholic believers. From the lifestyle perspective, the analysis emphasizes family life, community relations among co-religionists, and interactions between Catholics and followers of other religious and spiritual traditions.

Keywords: Catholicism; cultural values; ethical values; lifestyle values; Vietnam.